

Bản án số: **35/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 23/02/2026

V/V tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Quách Trung Sơn

Ông Nguyễn Phước Tường

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đồng Tháp.

Ngày 23 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đồng Tháp đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2025/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự.

Nguyên đơn:

Chị Lê Thị Thùy L, sinh ngày 16/8/1983 (có đơn xin vắng mặt);

Số căn cước công dân: 083183006779;

Địa chỉ: ấp H, xã H, tỉnh Đ.

Bị đơn:

Anh Phạm Sự T, sinh ngày 10/4/1978 (vắng mặt);

Số căn cước công dân: 082078026525;

Địa chỉ: ấp H, xã H, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 10 năm 2025, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Thùy L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Phạm Sự T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện C, tỉnh T (nay là UBND xã H, tỉnh Đ) theo giấy chứng nhận kết hôn số 36 ngày 03 tháng 6 năm 2002. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2012 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên tranh cãi. Chị và anh T đã ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ năm 2012 cho đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Phạm Sự T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Lê Ngọc P, sinh ngày 06/3/2002 và Phạm Lê Ngọc PH, sinh ngày 13/11/2003. Hiện nay các con chung đã T niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Sự T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh T vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Thùy L vắng mặt có đơn xin vắng, bị đơn anh Phạm Sự T vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”, bị đơn anh Phạm Sự T có hộ khẩu thường trú tại ấp H, xã H, tỉnh Đ căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đồng Tháp.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thùy L và anh Phạm Sự T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện C, tỉnh T (nay là UBND xã H, tỉnh Đ) theo giấy chứng nhận kết hôn số 36 ngày 03 tháng 6 năm 2002 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2012 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên tranh cãi. Chị và anh T đã ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ năm 2012 cho đến nay. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, đoàn tụ lại sống không hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

[3.1] Hội đồng xét xử xét thấy: sau khi chị L và anh T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2001, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2012 phát sinh mâu thuẫn. Từ khi ly thân cho đến nay thì chị L và anh T không còn liên lạc với nhau. Sau khi tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho anh T để thông báo về yêu cầu ly hôn của chị L, nhưng anh T không có ý kiến gì; không có mặt tham gia các phiên hòa giải và phiên tòa, anh T

không thể hiện được ý kiến, cũng không đưa ra biện pháp cụ thể nào để hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng. Việc anh T không đến trong suốt quá trình tòa án giải quyết vụ án là anh đã mặc nhiên từ bỏ cơ hội để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ với nhau.

[3.2] Mặc dù, Tòa án đã động viên nhưng chị L vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh T. Từ những tình tiết trên, đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử nhận định tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống chị L và anh T có 02 con chung tên Phạm Lê Ngọc P, sinh ngày 06/3/2002 và Phạm Lê Ngọc PH, sinh ngày 13/11/2003. Hiện nay các con chung đã thành niên và có khả năng lao động được nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay thì anh T không đến cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L trình bày không có không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T không có ý kiến hay yêu cầu gì. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc chị Lê Thị Thùy L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Thùy L được ly hôn với anh Phạm Sự T.

2. Về án phí: Chị Lê Thị Thùy L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai số 0005696 ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Thị hành án Dân sự tỉnh Đồng Tháp. Nên xem như chị L đã nộp xong tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 5 – Đồng Tháp;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5, tỉnh Đồng Tháp;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Kim Thoa

